

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ - ST
Ngày 17 - 01 - 2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Minh Trí
- Ông Lê Sỹ Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim O - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1978

ĐKKHKT: Đội 10 X, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Xóm H, xã T, huyện L, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1977

ĐKKHKT: Đội 10 X, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Hiện là phạm nhân đang chấp hành án tại: Phân trại số 1, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Tiểu khu TH, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị O và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2024, bản tự khai ngày 30 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 30/11/1998. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại đội 10 X, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội. Đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh N tính tình không hợp nhau, quan điểm và cách sống luôn trái ngược nên vợ chồng hay cãi nhau. Khi nóng giận anh N còn đánh chị. Ngoài ra, anh N không quan tâm đến gia đình, vợ con, không tu chí làm ăn. Năm 2015 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên để ở. Sau đó, vì thương con nên chị đã quay về tiếp tục chung sống với anh N. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2018 anh N vi phạm pháp luật nên bị Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hiện nay anh N đang chấp hành án tại đội 23, Phân trại số 01, Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có 2 con chung là Bùi Văn Th, sinh ngày 01/11/1999 và Bùi Thị Tr, sinh ngày 11/01/2002. Hiện nay các con đều đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 02 tháng 01 năm 2025, bị đơn anh Bùi Văn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị O kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 30/11/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng sau đó lại tự giải quyết được. Đến tháng 4 năm 2018 anh vi phạm pháp luật và bị bắt, đến tháng 9 năm 2018 anh bị Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến đầu năm 2024 chị O vào thăm gặp anh nói về vấn đề ly hôn nhưng anh không đồng ý. Nay chị O làm đơn xin ly hôn nguyện vọng của anh xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị O có 2 con chung là Bùi Văn Th, sinh ngày 01/11/1999 và Bùi Thị Tr, sinh ngày 11/01/2002. Hiện nay các con đều đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Nếu vợ chồng ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

** Tại phiên tòa:*

Chị Nguyễn Thị O có Đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Về con chung, về tài sản và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn N có Đơn xin xét xử vắng mặt. Anh đã trình bày ý kiến tại Bản tự khai ngày 02/01/2025 nên anh không bổ sung ý kiến gì thêm.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị O và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 30/11/1998, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị O được ly hôn anh N.

+ Về con chung: Chị O và anh N có 2 con chung là Bùi Văn Th, sinh ngày 01/11/1999 và Bùi Thị Tr, sinh ngày 11/01/2002. Hiện nay 2 con đã thành niên, chị O và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị O và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Bùi Văn N hiện là phạm nhân đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Tiểu khu TK, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị O yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Nguyễn Thị O và anh Bùi Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị O và anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Bùi Văn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay anh N đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Thanh Phong. Quan điểm của anh N xin được đoàn tụ, chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị O được ly hôn anh N là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị O và anh N có 2 con chung là Bùi Văn Th, sinh ngày 01/11/1999 và Bùi Thị Tr, sinh ngày 11/01/2002. Hiện nay 2 con đã thành niên và tự lập cuộc sống, chị O và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị O và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273

BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Bùi Văn N.

2. Về con chung: Chị O và anh N có 2 con chung là Bùi Văn Th, sinh ngày 01/11/1999 và Bùi Thị Tr, sinh ngày 11/01/2002. Hiện nay 2 con đã thành niên và tự lập cuộc sống, chị O và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0000948 ngày 04/12/2024. Chấp nhận chị O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị O và anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, huyện L;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà